TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HOÀNG SU PHÌ** **TỈNH HÀ GIANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 34/2023/QĐST-HNGĐ	*Hoàng Su Phì, ngày 25 tháng 8 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 50/2023/TLST-HNGĐ ngày 03/8/2023 về việc "*Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung*", giữa:

Nguyên đơn: Chị Bôn Thị B, sinh năm 1990; Số căn cước công dân: 002190002543 do Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội – Bộ Công an cấp ngày 29/4/2021; địa chỉ: xã B, huyện H, tỉnh H.

Bị đơn: Anh Cháng Văn T (tên gọi khác: Tráng Văn T), sinh năm 1992; Số căn cước công dân: 002092002041 do Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội – Bộ Công an cấp ngày 29/4/2021; địa chỉ: xã N, huyện H, tỉnh H.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 57, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 1 Điều 24; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/NQ- UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 17/8/2023.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 17/8/2023 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Bôn Thị B và anh Cháng Văn T (tên gọi khác: Tráng Văn T).

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Bôn Thị B và anh Cháng Văn T nhất trí thuận tình ly hôn.

2.2. Về con chung: Chị Bôn Thị B và anh Cháng Văn T có 02 con chung là

cháu Cháng Văn T1, sinh ngày 06/9/2011 và cháu Cháng Văn P, sinh ngày 02/4/2013. Sau ly hôn, anh Cháng Văn T là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Cháng Văn T1 cho đến khi cháu T1đủ 18 tuổi; chị Bôn Thị B là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Cháng Văn P cho đến khi cháu P đủ 18 tuổi. Giữa các bên không yêu cầu phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con chung, một hoặc hai bên có quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình.

2.3. Về tài sản chung, công nợ chung, công sức đóng góp: Chị B và anh T không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

2.4. Về án phí: Chị Bôn Thị B tự nguyện chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm ly hôn là 150.000đ *(Một trăm năm mươi nghìn đồng)* được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* chị B đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hoàng Su Phì ngày 03/8/2023 theo Biên lai số 0008156. Trả lại cho chị B số tiền 150.000đ *(Một trăm năm mươi nghìn đồng)* tiền án phí chênh lệch.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Hà Giang;
- VKSND huyện Hoàng Su Phì;
- UBND xã N;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện Hoàng Su Phì;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Nguyễn Minh Phương